TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Mạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Hiển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn B** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Đ A, xã T Th, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

** Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Lan T** - Sinh năm 1984. (Chị Nguyễn Thị Lan T có giấy chứng nhận bị khuyết tật nặng tâm thần, mù).

Người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Lan T: Bà **Trần Thị Th** - sinh năm 1954 (mẹ chị T).

Đều trú tại địa chỉ: Thôn Th Đ, xã Đ D, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp luật cho chị Nguyễn Thị Lan T:* Bà **Trần Thị Liễu** - Trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh B, bà Thoa, bà Liễu; Vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Lan T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện K Đ, tỉnh Hưng Yên ngày 21/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở gia đình anh tại tỉnh Hưng Yên được 2 năm. Năm 2008 chị T mang thai được khoảng 4 tháng thì thai nhi bị chết lưu dẫn đến chị T buồn chán đã về nhà bố mẹ tại tỉnh Thái Bình sinh sống từ năm 2008 đến nay, sau đó do anh đi làm ăn xa, hai bên không liên lạc với nhau. Nay anh muốn ổn định cuộc sống, anh đến nhà bàn bạc với chị T về việc ly hôn nhưng anh thấy chị T không bình thường nên anh hỏi bà Trần Thị Th (mẹ chị T) thì được biết chị T bị thần kinh, mù, dạng khuyết tật đặc biệt nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội. Tuy nhiên, vợ chồng đã sống ly thân 16 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T.

Anh và chị Nguyễn Thị Lan T không có con chung, không có tài sản chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị Th (mẹ chị Nguyễn Thị Lan T) trình bày:* Chị Nguyễn Thị Lan T và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn hợp pháp tháng 12/2006 tại UBND xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, chị T có thai và bị ngất tại nhà anh B, gia đình anh B gọi gia đình bà đến đưa chị T đi chữa bệnh, gia đình bà xin chuyển chị T lên Bệnh viện Bạch Mai điều trị 01 tháng sau đó chuyển về Bệnh viện tỉnh Hưng Yên điều trị nhưng gia đình anh B không quan tâm chăm sóc, không chi phí thuốc men chữa trị cho chị T nên gia đình bà đã xin cho chị T ra viện và về Thái Bình để tiện chăm sóc. Năm 2012 chị T có kết luận bị tâm thần phải điều trị ở tuyến trên rồi chuyển về Bệnh viện tâm thần Thái Bình điều trị và uống thuốc đình kỳ hàng tháng từ đó đến nay, sau đó chị T bị mù, tứ chi co cứng, đi lại khó khăn, mọi sinh hoạt, thuốc men của chị T do gia đình bà chăm sóc, hỗ trợ. Hiện nay, bệnh chị T rất nặng, thuốc phát theo tiêu chuẩn của Nhà nước không đủ liều điều trị bệnh nên từ năm 2013 gia đình phải mua thuốc ngoài để điều trị bệnh cho chị T rất tốn kém, gia đình bà phải vay mượn tiền để chữa trị cho chị T. Từ khi chị T về sinh sống tại gia đình bà và điều trị bệnh nhiều lần nhưng anh B không thăm hỏi, chăm sóc chị T. Nay anh B xin ly hôn chị T, bà yêu cầu anh B phải thanh toán tiền chi phí chữa bệnh cho chị T là 300.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Lan T và anh Nguyễn Văn B không có con chung, không có

tài sản chung nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Biên bản xác minh tại UBND xã Đ D thể hiện*: Chị Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Th Đ, xã Đ D, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chị T và anh B không đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ D, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Mẹ chị T là bà Trần Thị Th, sinh năm 1954 ở cùng địa chỉ với chị T. Từ tháng 01/2014, chị T có giấy xác nhận bị khuyết tật tâm thần, mù, mức độ khuyết tật "Đặc biệt nặng" và đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội (Có bản sao giấy xác nhận khuyết tật của chị T kèm theo). Hiện nay mọi sinh hoạt của chị T do bà Thoa chăm sóc vì hai anh trai chị T đều đi làm ăn xa. Nay anh Nguyễn Văn B xin ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:**

1. Anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Lan T đã sống ly thân 16 năm nay không còn tình cảm, anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T. Anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình vợ chồng ly thân, anh bị vướng vào tệ nạn xã hội, cơ quan pháp luật buộc anh đi cai nghiện tập trung nhiều năm, sau khi hết thời hạn cai nghiện tập trung anh không có công việc và thu nhập ổn định, hiện nay anh rất khó khăn nên anh chỉ có điều kiện hỗ trợ được cho chị T số tiền 20.000.000 đồng.

2. Bà Trần Thị Th trình bày: Hiện nay chị Nguyễn Thị Lan T bị bệnh rất nặng, mọi sinh hoạt của chị T đều phải do gia đình bà hỗ trợ, việc điều trị bệnh cho chị T chi phí bỏ ra rất tốn kém. Tuy nhiên, anh B trình bày hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn, để tạo điều kiện cho cả hai bên, bà nhất trí với đề nghị của anh B giải quyết ly hôn với chị T và anh B hỗ trợ cho gia đình bà số tiền 20.000.000 đồng trong việc chăm sóc chữa bệnh cho chị T.

3. Bà Trần Thị Liễu trình bày: Bà nhất trí với ý kiến trình bày của bà Trần Thị Th. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Diều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T và chấp nhận việc anh B hỗ trợ chi phí chữa bệnh cho chị T là 20.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T.

- Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng**:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn B đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan T - bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ D, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc chỉ định người tham gia tố tụng: Do chị Nguyễn Thị Lan T có Giấy xác nhận bị khuyết tật tâm thần, mù, mức độ khuyết tật "Đặc biệt nặng", căn cứ Điều 136 Bộ luật Dân sự, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân dân sự, Toà án chỉ định bà Trần Thị Th (mẹ chị T) và Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Lan T.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Lan T vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp và Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Lan T kết hôn hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên ngày 21/12/2006. Trước khi kết hôn với anh B, các đương sự đều xác định chị Nguyễn Thị Lan T hoàn toàn khoẻ mạnh và năm 2014 chị T mới có xác nhận bị tâm thần nên quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 02/2008 thì chị T bị bệnh, do hai bên không thống nhất được việc chăm sóc chị T nên gia đình đã đưa chị T về Thái Bình sinh sống từ năm 2008. Năm 2012, chị T bị bệnh nặng còn anh B bị cơ quan pháp luật quyết định bắt buộc đi cai nghiện tập trung nên hai bên không quan tâm liên lạc với nhau. Hiện nay, chị T có Giấy xác nhận bị khuyết tật tâm thần, mù, mức độ khuyết tật "Đặc biệt nặng" nên hai bên không thể giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đồng thời gia đình chị T cũng đồng thuận giải quyết cho anh B ly hôn chị T, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung và tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Lan T không có con chung, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về tài

sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự đều đồng ý anh Nguyễn Văn B hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị Lan T 20.000.000 đồng tiền chi phí thuốc men, cần chấp nhận (anh B đã thanh toán xong số tiền 20.000.000 đồng cho gia đình chị T).

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 136 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan T.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh B nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003280 ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã T Th, h. Kim Động, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Nguyễn Thị Phương Thảo